

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP TRUYỀN THÔNG VÀ SỰ KIỆN RUBIK
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP TRUYỀN THÔNG VÀ SỰ KIỆN RUBIK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RUBIK COMMUNICATION SOLUTION AND EVENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: RUBIK COMSOL AND EVENT .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109200744

3. Ngày thành lập: 28/05/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 19 Đức Giang, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin thị trường, thông tin kinh tế xã hội (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320(Chính)
2.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, hội chợ, hội thảo, hội nghị, giới thiệu sản phẩm (không bao gồm tổ chức hợp báo và các chương trình Nhà nước cấm)	8230
3.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
4.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
5.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
6.	Bốc xếp hàng hóa	5224
7.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ	5510
8.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
9.	Đại lý du lịch	7911
10.	Điều hành tua du lịch	7912
11.	In ấn (trừ các loại Nhà nước cấm)	1811
12.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

13.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
14.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đầu giá)	4511
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
18.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: - Tổ chức các buổi trình diễn kịch trực tiếp, các buổi hoà nhạc và opera hoặc các tác phẩm khiêu vũ và các tác phẩm sân khấu khác - Hoạt động của các nhà sản xuất hoặc các nhà thầu về các sự kiện trình diễn nghệ thuật trực tiếp, có hoặc không có cơ sở	9000
19.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: - Hoạt động sản xuất ghi âm gốc như ghi băng, đĩa CD-s; - Phát hành, quảng cáo và phân phối băng ghi âm đến những người bán buôn, bán lẻ hoặc trực tiếp đến công chúng - Hoạt động ghi âm phục vụ các hoạt động trong trường quay hoặc các nơi khác, bao gồm cả việc sản xuất chương trình băng đài (không phải trực tiếp);	5920
20.	Sản xuất nhạc cụ	3220
21.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
22.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng	4632
23.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
24.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu...; - Bán buôn ô dù; - Bán buôn dao, kéo; - Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; - Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: Kính râm, ống nhòm, kính lúp); - Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; - Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.	4649
25.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

26.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh;	4722
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
28.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Môi giới bất động sản	6820
29.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc; Bán lẻ giày, dép; Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác: - Bán lẻ cặp học sinh, cặp đựng tài liệu, túi xách các loại, ví... bằng da, giả da hoặc chất liệu khác;- Bán lẻ ba lô, vali, hàng du lịch bằng da, giả da và chất liệu khác;- Bán lẻ hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
30.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
31.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
32.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
33.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
34.	Sản xuất giày, dép	1520
35.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
36.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình	5911
37.	Lập trình máy vi tính	6201
38.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
39.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

40.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet, dịch vụ thông tin qua điện thoại, dịch vụ tìm kiếm thông tin qua hợp đồng hay trên cơ sở phí.	6399
41.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
42.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
43.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	6619
44.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
45.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
46.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
47.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại.	7490
48.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
49.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
50.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
51.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
52.	Xây dựng công trình thủy	4291
53.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
54.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
55.	Phá dỡ	4311
56.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
57.	Xây dựng công trình điện	4221
58.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Đào tạo và dạy nghề tin học, ngoại ngữ, quảng cáo, thiết kế quảng cáo thương mại, tiếp thị, bán hàng, quản lý và điều hành nhãn hiệu; - Đào tạo nghề nghiệp diễn viên, người mẫu (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);	8559
59.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
60.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
61.	Xây dựng nhà để ở	4101
62.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
63.	Xây dựng nhà không để ở	4102

64.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
65.	Sản xuất điện	3511
66.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
67.	Sản xuất đồ điện dân dụng Chi tiết: Sản xuất thiết bị điện	2750
68.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
69.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp mô đun quang điện (tấm pin năng lượng mặt trời). Sản xuất, lắp ráp tế bào quang điện (tế bào năng lượng mặt trời).	2790
70.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: nhà máy, kho tàng, xưởng sản xuất - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4299
71.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
72.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
73.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
74.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
75.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất thiết bị năng lượng gió - mặt trời, thủy điện	2829
76.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng động cơ gió, pin mặt trời, thủy điện nhỏ	3319
77.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời; Lắp đặt động cơ gió, pin mặt trời và thủy điện nhỏ;	3320
78.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
79.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
80.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
81.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng; gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng; sơn, vécni; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim; vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
82.	Hoạt động viễn thông không dây Chi tiết: Cung cấp Dịch vụ kết nối Internet; Cung cấp Dịch vụ truy cập Internet;	6120

83.	Hoạt động viễn thông có dây Chi tiết: Cung cấp Dịch vụ kết nối Internet; Cung cấp Dịch vụ truy cập Internet;	6110
84.	Bán buôn tổng hợp	4690
85.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
86.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
87.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
88.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
89.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
90.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
91.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn;	2599
92.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
93.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
94.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
95.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ kim loại quý và vàng miếng)	4662
96.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
97.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
98.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
99.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
100.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
101.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
102.	Trồng cây ăn quả	0121
103.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
104.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
105.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
106.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
107.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
108.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
109.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ điện	4799
110.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn luật, tư vấn tài chính, hoạt động của văn phòng luật sư và công ty luật)	7020
111.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);	7310

112.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình ; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy ; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn lập hồ sơ mời thầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu (không bao gồm tư vấn xác định giá gói thầu, giá hợp đồng xây dựng)	7110
------	---	------

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN MINH QUỲNH	Số 49 Quán Thánh, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	25,000	012805378	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	25,000		

2	LÊ THỊ HỒNG VÂN	Số 13 ngõ 210/2 Hoàng Văn Thái, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	50,000	037171000015
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	50,000	
3	VŨ LÊ MAI	Số 102 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	25,000	C6971613
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ HỒNG VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/07/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 037171000015

Ngày cấp: 18/08/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 13 ngõ 210/2 Hoàng Văn Thái, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 13 ngõ 210/2 Hoàng Văn Thái, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội